

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 05 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành Y sỹ Đa khoa, trình độ: Cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ Y – DƯỢC VIỆT NAM

Căn cứ vào Quyết định số 962/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 08/03/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Tư thực Đức Trí;

Căn cứ Quyết định số 1879/QĐ-LĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên trường Cao đẳng Tư thực Đức Trí thành Trường Cao đẳng Công nghệ Y – Dược Việt Nam;

Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghệ Y – Dược Việt Nam được ban hành kèm theo quyết định số 68/QĐ-YDC ngày 08/09/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Y – Dược Việt Nam;

Căn cứ thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ Trung cấp; trình độ Cao đẳng.

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành Y sỹ Đa khoa trình độ cao đẳng áp dụng giảng dạy tại trường Cao đẳng Công nghệ Y – Dược Việt Nam.

Điều 2: Phòng Đào tạo và Công tác HSSV có trách nhiệm chỉ đạo các khoa, bộ môn, giảng viên biên soạn giáo trình, giáo án theo đúng quy định.

Điều 3: Trưởng phòng Đào tạo và Công tác HSSV, trưởng khoa Y – Dược, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận

- Các phòng, khoa;
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



ThS. Nguyễn Văn Ánh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo quyết định số: 99/QĐ-YDC ngày 31 tháng 05 năm 2024
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Y – Dược Việt Nam)

- Tên ngành : Y sĩ đa khoa
- Mã ngành : 6720101
- Trình độ đào tạo : Cao đẳng
- Đối tượng tuyển sinh : Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Thời gian đào tạo : 3 năm (6 học kỳ)

1. Giới thiệu chương trình/mô tả, nghề đào tạo

Chương trình đào tạo Cao đẳng Y sĩ đa khoa được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức y khoa cơ bản, kỹ năng chẩn đoán, điều trị, và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho cộng đồng. Sinh viên sau khi hoàn thành chương trình sẽ có khả năng thực hiện công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân tại các cơ sở y tế như phòng khám, trạm y tế, bệnh viện và các trung tâm y tế cộng đồng.

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người Y sĩ đa khoa trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề khám chữa bệnh ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đào tạo Y sĩ đa khoa có đủ ý đức, có kiến thức khoa học cơ bản và y học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kỹ năng cơ bản về lâm sàng và cộng đồng, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền, có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 2 khung năng lực châu Âu, có khả năng tiếp cận và ứng dụng các thành tựu khoa học y học trong bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Mục tiêu chuẩn đầu ra

CĐR 1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp để thiết lập được môi trường làm việc an toàn, cải tiến chất lượng chăm sóc và giảm thiểu rủi ro trong môi trường chăm sóc sức khỏe.

CĐR 2. Áp dụng sự hiểu biết về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để xác định tình trạng sức khỏe, thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng; chẩn đoán chính xác một số/các bệnh lý thông thường ở tuyến Y tế cơ sở.

CĐR 3. Thiết lập kế hoạch điều trị chăm sóc sức khỏe toàn diện và hợp lý, theo

nguyên tắc người bệnh là trung tâm. Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị người bệnh phù hợp với vai trò, nhiệm vụ ở tuyến Y tế cơ sở, đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh.

CĐR 4. Vận dụng được các kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng.

CĐR 5. Hợp tác với các thành viên trong nhóm, sử dụng được các kỹ năng giao tiếp, các phương tiện truyền thông phù hợp để thiết lập mối quan hệ, giao tiếp có hiệu quả, cung cấp các thông tin về sức khỏe; giáo dục sức khỏe cho cán bộ y tế, người bệnh, gia đình và cộng đồng.

CĐR 6. Tham gia quản lý công tác điều trị chăm sóc người bệnh, quản lý hồ sơ bệnh án, môi trường chăm sóc, thiết bị y tế và các nguồn lực khác ở tuyến Y tế cơ sở để điều trị, chăm sóc người bệnh an toàn, chất lượng, hiệu quả và hài lòng.

CĐR 7. Tham gia nghiên cứu khoa học, thực hành dựa vào bằng chứng, áp dụng cải tiến chất lượng trong điều trị, chăm sóc người bệnh.

CĐR 8. Thể hiện được tính tích cực học tập, cập nhật thông tin nhằm duy trì và phát triển chuyên môn cho bản thân và đồng nghiệp trên cơ sở có tư duy phản biện/phê phán.

CĐR 9: Trình độ Ngoại ngữ: có trình độ có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) trở lên.

CĐR 10: Trình độ Tin học: có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT

2.2.2. Về kiến thức

- Khối kiến thức chung

+ Vận dụng được các kiến thức về tư tưởng, đạo đức cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

+ Áp dụng được kiến thức công nghệ thông tin trong phục vụ người bệnh và nghiên cứu khoa học.

+ Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp và công việc chuyên môn.

+ Đánh giá, phân tích được các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức cảnh giác với những âm mưu chống phá cách mạng của các thế lực thù địch.

- Kiến thức chung theo lĩnh vực

+ Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên như hóa học, sinh học, vật lý, lý sinh để giải thích các hiện tượng bệnh lý.

+ Phân tích được các hiện tượng, các cơ chế hoạt động, nguyên lý vận hành của các trang thiết bị phục vụ chẩn đoán và điều trị.

+ Tiếp cận được với các kiến thức sinh học và kỹ thuật y được hiện đại.

- Kiến thức chung của khối ngành

+ Vận dụng được kiến thức cốt lõi về khoa học sức khỏe và các mối liên quan giữa sức khỏe với các yếu tố môi trường, xã hội.

+ Đánh giá và phân tích được mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật với môi trường và các yếu tố tâm lý-xã hội.

- *Kiến thức chung của nhóm ngành và ngành*

+ Hiểu được đặc điểm giải phẫu, cấu trúc và hoạt động của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý.

+ Đánh giá được sự thay đổi các trạng thái cơ thể trong những điều kiện bình thường và bệnh lý.

+ Áp dụng được những kiến thức cơ bản, cơ sở để giải thích các triệu chứng bệnh lý của người bệnh.

+ Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán các tình trạng bệnh lý.

+ Áp dụng được các phương pháp, các kỹ thuật để điều trị và chăm sóc người bệnh.

- *Kiến thức thực tập và tốt nghiệp*

Vận dụng tổng hợp kiến thức thu được để phân tích và đánh giá các vấn đề sức khỏe tại Bệnh viện và cộng đồng trước khi trở thành bác sĩ đa khoa.

2.2.3. Về kỹ năng

Kỹ năng nghề nghiệp (kỹ năng cứng)

- Kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề

+ Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý và các vấn đề sức khỏe.

+ Chỉ định và phân tích được kết quả các xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản.

+ Chẩn đoán được một số bệnh thông thường.

+ Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp.

- Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

+ Xây dựng được giả thuyết về sức khỏe và bệnh tật.

+ Đánh giá, phân tích được vấn đề sức khỏe.

+ Đề xuất giải pháp và giải quyết được các vấn đề sức khỏe.

- Kỹ năng nghiên cứu và khám phá

+ Có khả năng hình thành giả thuyết nghiên cứu.

+ Có kỹ năng thu thập thông tin.

+ Thực hiện được đề tài nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của chuyên gia.

+ Có kỹ năng ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tế.

- Kỹ năng tư duy theo hệ thống

+ Phân tích được mối liên quan sức khỏe với các yếu tố môi trường, văn hóa, kinh tế-xã hội.

- + Xác định được vấn đề sức khỏe ưu tiên.
- + Phân tích sự lựa chọn giữa các vấn đề và tìm ra cách giải quyết.
- + Có tư duy phân tích đa chiều các vấn đề sức khỏe, bệnh tật.
- Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh
- + Thể hiện được vai trò và trách nhiệm của Y sĩ đa khoa đối với xã hội.
- + Đáp ứng chuẩn mực của xã hội về ngành y và Y sĩ đa khoa.
- + Đánh giá sự phát triển và các vấn đề sức khỏe toàn cầu đến nghề nghiệp.
- Bối cảnh tổ chức
- + Phân tích được đặc điểm, tình hình của đơn vị.
- + Xây dựng được kế hoạch và phát triển đơn vị.
- + Tạo được mối liên hệ với các đối tác chủ yếu.
- Vận dụng kiến thức vào thực tiễn
- + Áp dụng và thực hiện được các kỹ thuật, thủ thuật trong lâm sàng.
- + Sử dụng thành thạo các thiết bị trong đơn vị.
- + Phát hiện được những vấn đề mới trong chuyên môn.
- Năng lực sáng tạo, phát triển và khả năng thay đổi trong chuyên môn.
- + Cải tiến các kỹ thuật chăm sóc, điều trị.
- + Cập nhật được các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công việc.
- + Có năng lực làm việc trong các vị trí khác nhau trong đơn vị.

Kỹ năng mềm

- Kỹ năng tự chủ
- + Sắp xếp kế hoạch công việc khoa học và hợp lý.
- + Thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc.
- + Học và tự học, tự nghiên cứu suốt đời.
- + Phân tích được phẩm chất của đồng nghiệp để trao đổi, học hỏi.
- Kỹ năng làm việc nhóm
- + Xây dựng, điều hành nhóm làm việc hiệu quả.
- + Liên kết được các nhóm.
- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo
- + Tổ chức, phân công công việc trong đơn vị.
- + Đánh giá hoạt động của cá nhân và tập thể.
- + Liên kết được với các đối tác chủ yếu.

- Giao tiếp
- + Sắp xếp được ý tưởng, nội dung giao tiếp.
- + Giao tiếp được bằng văn bản, qua thư điện tử/các phương tiện truyền thông
- + Khả năng thuyết trình lưu loát.
- + Có kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân: tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân, trao đổi và chia sẻ với đồng nghiệp...

- Sử dụng ngoại ngữ: tiếng Anh A2

- Tin học và công nghệ thông tin: sử dụng thành thạo phần mềm thông dụng SPSS.

2.2.4. Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Có tinh thần tôn trọng, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp, bệnh nhân và gia đình họ trong quá trình chăm sóc sức khỏe;
- Trung thực, khách quan, luôn cố gắng học tập vươn lên để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Đạo đức cá nhân

- + Sẵn sàng đương đầu với khó khăn.

- + Kiên trì, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê sáng tạo.

- + Cảm thông, chia sẻ với đồng nghiệp, người bệnh.

- Đạo đức nghề nghiệp

- + Tận tâm, tận lực, trung thực và trách nhiệm.

- + Tác phong làm việc chuyên nghiệp.

- + Văn hóa ứng xử của thầy thuốc (12 điều y đức).

- Đạo đức xã hội

- + coi trọng nền y học cổ truyền dân tộc.

- + Tuân thủ pháp luật và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- + Giữ gìn và quảng bá hình ảnh người Y sĩ đa khoa trong xã hội

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Y sĩ đa khoa trình độ cao đẳng, người học có khả năng đảm nhiệm công tác khám chữa bệnh, tham gia nghiên cứu khoa học và quản lý; đáp ứng yêu cầu công việc tại các vị trí sau:

Tại đơn vị khám, chữa bệnh tuyến cơ sở công lập và tư nhân, trạm y tế xã phường

Làm công tác chuyên môn Y tế trường học, Y tế cơ quan...

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học : 112 Tín chỉ (2.730 giờ)

- Số lượng môn học/mô đun : 44 môn học/Mô đun
- Khối lượng học tập các môn chung : 435 giờ
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn : 2295 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 834 giờ; thực hành, thực tập: 1756 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1.	NLCB-01	Áp dụng các kiến thức về chính trị
2.	NLCB-02	Áp dụng các kiến thức về pháp luật
3.	NLCB-03	Duy trì sức khỏe
4.	NLCB-04	Áp dụng các kiến thức về an ninh quốc phòng
5.	NLCB-05	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản
6.	NLCB-06	Sử dụng tiếng Anh giao tiếp cơ bản
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
1.	NLCL-01	Phát triển vốn từ vựng chuyên ngành
2.	NLCL-02	Trình bày được đặc điểm của sinh vật học, khả năng gây bệnh, đặc điểm bệnh học, đường xâm nhập và tác hại và phân loại Vi sinh, ký sinh trùng.
3.	NLCL-03	Trình bày được những vấn đề cơ bản về sinh lý bệnh và miễn dịch; Phân tích và giải thích được cơ chế bệnh sinh của một số bệnh thường gặp và mối liên quan với quá trình điều trị và phòng bệnh.
4.	NLCL-04	Trình bày được cấu tạo, tính chất lý hóa, vai trò của các hợp chất hữu cơ cấu tạo nên cơ thể người; các chất hữu cơ diễn ra trong cơ thể người; chức năng hóa sinh tiêu biểu của một số cơ quan trong cơ thể.
5.	NLCL-05	Nắm được vị trí, hình thể, cấu tạo của các cơ quan trong cơ thể người trên mô hình sẵn có và trên người
6.	NLCL-06	Nắm được cơ chế tác dụng, đặc điểm tác dụng của các nhóm thuốc; nhận dạng được và hướng dẫn sử dụng đúng các thuốc theo dạng bào chế.
7.	NLCL-07	Nắm được các quy trình kỹ thuật cơ bản chăm sóc người bệnh; cấp cứu thường gặp

8.	NLCL-08	Nắm được nội quy, quy chế các khoa phòng bệnh viện, kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện. Biết cách giao tiếp, tiếp đón người bệnh đúng quy định.
9.	NLCL-09	Trình bày được các yếu tố chính tác động đến tâm lý người cao tuổi, tầm quan trọng của tác động tâm lý tới sức khỏe.
10.	NLCL-10	Trình bày được những kiến thức khái quát về giao tiếp và giáo dục sức khỏe. Các kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân
11.	NLCL-11	Phân tích được tác hại của các yếu tố môi trường đến sức khỏe con người, nguyên nhân và biện pháp kiểm chế ô nhiễm môi trường.
Năng lực nâng cao		
1.	NLNC-01	Biết cách tư vấn cho người bệnh cách sử dụng thuốc an toàn, hợp lý. Cách Tư vấn được cho NB cách phòng và điều trị bệnh nội khoa hô hấp – tuần hoàn.
2.	NLNC-02	Nắm được kiến thức về giải phẫu, sinh lý, vi sinh vật để phát hiện triệu chứng và các vấn đề sức khỏe hệ tiêu hóa, tiết niệu trong các tình huống dạy học
3.	NLNC-03	Giải thích được nguyên nhân, cơ chế gây bệnh và triệu chứng bệnh nội tiết – chuyển hóa, triệu chứng bệnh về máu, bệnh về cơ xương khớp, thần kinh, truyền nhiễm thường gặp trong tình huống lâm sàng cụ thể.
4.	NLNC-04	Có kỹ năng khai thác, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh hô hấp - tuần hoàn
5.	NLNC-05	Có kỹ năng khai thác, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh tiêu hóa - tuần hoàn
6.	NLNC-06	Có kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh về máu, nội tiết chuyển hóa, cơ xương khớp, truyền nhiễm, thần kinh;
7.	NLNC-07	Có kiến thức cơ bản về Ung thư: Định nghĩa, đặc điểm tế bào ung thư, các nguyên nhân gây ung thư. Các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng chính để chẩn đoán và phân chia giai đoạn bệnh ung thư.
8.	NLNC-08	Nắm các triệu chứng và dấu hiệu bệnh lý, từ đó đưa ra các lập luận chẩn đoán được người bệnh mắc các bệnh lý sinh sản thường gặp.
9.	NLNC-09	Hiểu được kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh sản phụ khoa.
10.	NLNC-10	Trình bày được những nội dung cơ bản của pháp luật Việt Nam hiện hành trong một số hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người dân

11.	NLNC-11	Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về khái niệm cơ bản về thống kê y học, các khái niệm liên quan đến tập mẫu thống kê, lý thuyết ước lượng, kiểm định (so sánh) giả thuyết
12.	NLNC-12	Phân tích được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng của các bệnh lý hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn, tiết niệu để lập luận đưa ra chẩn đoán, biện pháp điều trị phù hợp với trẻ.
13.	NLNC-13	Có các kỹ năng nhận định, đánh giá và thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh lý nhi khoa một cách thành thạo
14.	NLNC-14	Có các kỹ năng sơ cứu ban đầu để phát hiện, xử trí ban đầu và chuyển lên tuyến trên kịp thời, an toàn những trường hợp cấp cứu
15.	NLNC-15	Biết cách theo dõi, phát hiện và xử trí được các tai biến có thể xảy ra trong và sau khi thực hiện kỹ thuật cấp cứu trên người bệnh cụ thể. Thực hiện nhận định và phân loại được người bệnh cấp cứu đúng quy định
16.	NLNC-16	Áp dụng kiến thức về giải phẫu, sinh lý, nguyên nhân, triệu chứng bệnh lý y học cổ truyền- phục hồi chức năng để chẩn đoán được người bệnh mắc các bệnh lý y học cổ truyền- phục hồi chức năng thường gặp trong tình huống lâm sàng cụ thể.
17.	NLNC-17	Nắm được các kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh chuyên ngành YHCT-PHCN
18.	NLNC-18	Giải thích được những cơ chế bệnh sinh gây ra các bệnh lý mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt, da liễu thường gặp. Phân tích được nguyên nhân, triệu chứng của người bệnh khi mắc các bệnh lý mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt da liễu thường gặp và chẩn đoán, đưa ra hướng điều trị và điều trị cụ thể cho NB.
19.	NLNC-19	Nắm được các kỹ năng khai thác, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt.
20.	NLNC-20	Trình bày được các khái niệm cơ bản và các nguyên lý của Y học gia đình; các yêu cầu đạo đức trong Y học gia đình. Phân tích được mối liên quan giữa vòng đời người và gia đình với sức khỏe, bệnh tật và áp dụng trong chăm sóc sức khỏe.
21.	NLNC-21	Trình bày được những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng: Thăm hộ gia đình, Lập kế hoạch giải quyết các vấn đề sức khỏe của cộng đồng.
22.	NLNC-22	Có kiến thức về giải phẫu, sinh lý, nguyên nhân, triệu chứng bệnh lý phục hồi chức năng để chẩn đoán được người bệnh mắc các bệnh lý PHCN hay gặp cộng đồng trong tình huống lâm sàng cụ thể.
23.	NLNC-23	Có các kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh chuyên ngành PHCN dựa vào cộng đồng

24.	NLNC-24	Phân tích được các yếu tố của quá trình dịch các bệnh truyền nhiễm, lao, tâm thần kinh và nguyên lý phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng. Phân tích được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng các bệnh truyền nhiễm, lao, tâm thần kinh thường gặp tại tuyến cơ sở
-----	---------	---

6. Nội dung chương trình:

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Tổng		Thời gian học tập (giờ)		
			Số tín chỉ	Số tiết	Trong đó		
					LT	TH	Kiểm tra
I.		Các môn học chung/đại cương					
1	MH 01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
2	MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
4	MH 04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
5	MH 05	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
6	MH 06	Tin học	3	75	15	58	2
Tổng			19	435	157	255	23
II.		Các môn học chuyên ngành	88	2295	677	1501	117
II.1		Môn học cơ sở					
7	MĐ 01	Tiếng Anh chuyên ngành	3	60	29	28	3
8	MĐ 02	Vi sinh – ký sinh	2	45	14	29	2
9	MĐ 03	Sinh lý bệnh miễn dịch	2	45	14	29	2
10	MĐ 04	Hoá sinh	2	45	14	29	2
11	MĐ 05	Giải phẫu sinh lý	3	60	29	28	3
12	MĐ 06	Dược lý	3	60	29	28	3
13	MĐ 07	Kỹ thuật điều dưỡng	3	60	29	28	3
14	MĐ 08	Thực hành Lâm sàng Kỹ thuật điều dưỡng	2	60	0	60	0
15	MH 07	Tâm lý người bệnh- Y đức	2	30	28	0	2
16	MĐ 09	Giao tiếp- Giáo dục SK trong thực hành y khoa	2	45	15	28	2
17	MH 08	Môi trường và sức khỏe	2	30	28	0	2
Tổng			26	540	229	287	24
II.2		Môn học chuyên môn ngành					
18	MĐ 10	Bệnh học người lớn 1	3	60	30	25	5
19	MĐ 11	Bệnh học người lớn 2	3	60	30	25	5
20	MĐ 12	Bệnh học người lớn 3	4	75	45	25	5

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Tổng		Thời gian học tập (giờ)		
			Số tín chỉ	Số tiết	Trong đó		
					LT	TH	Kiểm tra
	Nhóm 2- Bệnh chuyên khoa nâng cao						
43	MH 16	Bệnh chuyên khoa nâng cao	3	45	43	0	2
44	MĐ 29	Lâm sàng Bệnh chuyên khoa	2	60	0	55	5
Tổng			5	105	43	55	7
TỔNG CỘNG			112	2730	834	1756	140

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Các môn học chung nhà trường

Đối với Xây dựng thời gian đào tạo và số tín chỉ của 06 môn học chung, Nhà trường đã xây dựng và áp dụng đối với trình độ cao đẳng theo quy định tại Thông tư 01/2024/BLĐTBXH ngày 19/02/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; Tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

7.2. Xác định nội dung và thời gian dành cho khóa học

* Về giờ học:

- 1 tiết học lý thuyết = 45 phút
- 1 tiết học thực hành/tích hợp = 60 phút
- 1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết
- 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết.

Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ. Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ. Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

* Kế hoạch giảng dạy và quỹ thời gian

Tổ chức dạy/học lý thuyết và thực hành cơ bản/cơ sở được tiến hành tại trường, thực tập thực tế ngành được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường.

Nhà trường bố trí và điều chỉnh các môn học/học phần của các học kỳ sao cho đảm bảo được tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các môn khoa học cơ bản, cơ sở, tiền lâm sàng rồi mới học các môn chuyên ngành Điều dưỡng.

Nhà trường sắp xếp chương trình và triển khai thực hiện, có thể áp dụng phương pháp mới như lồng ghép, cấu trúc chương trình theo khối thời gian (Block hoặc Module) sau khi nghiên cứu, chuẩn bị và báo cáo Bộ Y tế, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trước khi tổ chức đào tạo.

* Thực tập, thực hành bệnh viện, thực tế tại cộng đồng

Thực hành tiền lâm sàng (skillslab) và thực hành bệnh viện: Các môn học/học phần lâm sàng, cơ sở đào tạo phải tổ chức cho sinh viên thực hành tại các phòng thực hành tiền lâm sàng, phòng bệnh mô phỏng của trường/bộ môn/khoa trước khi tổ chức cho sinh viên đi thực hành tại các bệnh viện.

Thực hành bệnh viện: Sinh viên thực tập thường xuyên tại các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tỉnh và các bệnh viện tuyến huyện.

Thực tế tại cộng đồng: Tổ chức thực tế tại cộng đồng sau khi sinh viên đã học các môn cơ sở và các môn học lâm sàng. Sinh viên sẽ được thực tập tại các trạm y tế xã, phường.

*** Phương pháp đào tạo:** Yêu cầu đặt ra về phương pháp đào tạo là:

- Sinh viên là trung tâm của quá trình dạy học; Coi trọng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

- Giảng viên có vai trò quan trọng trong việc định hướng, hướng dẫn, giám sát hỗ trợ, lượng giá thường xuyên trong suốt quá trình học tập của sinh viên, tạo điều kiện để sinh viên phát triển trong học tập – đặc biệt là thực hành nghề nghiệp.

- Tăng cường phương tiện nghe nhìn, phương tiện dạy học tích cực, đổi mới chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy học.

- Đảm bảo tài liệu dạy học và tài liệu tham khảo, điều kiện truy cập thông tin qua mạng internet, điều kiện đáp ứng tự học của sinh viên...

- Tăng cường và khuyến khích áp dụng phương pháp dạy-học dựa vào bằng chứng, dựa trên vấn đề, dạy-học theo năng lực, ...

* Những nội dung khác thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

* Sau mỗi hai năm học hoặc sau mỗi khóa học, Trường sẽ lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực Y sỹ do Trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh đề cương chi tiết môn học/học phần.

7.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra và cách tính điểm

Xuất phát từ mục tiêu đào tạo giáo viên, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả dạy học sẽ chuyển từ kiểm tra đánh giá lĩnh hội khái niệm sang kiểm tra đánh giá quá trình nhận thức thể hiện ở sự hiểu và khả năng vận dụng kiến thức cơ bản vào thực tiễn. Đồng thời kiểm tra hệ thống kỹ năng cần thiết, kiểm tra nhận thức, thái độ và góp phần phát triển tình cảm nghề nghiệp ở sinh viên.

7.4. Hướng dẫn làm khóa luận tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo ngành Y sỹ đa khoa và tích lũy đủ số tín chỉ trong chương trình mới được làm khóa luận tốt nghiệp. Khoa Y - Dược có trách nhiệm phân công giảng viên hướng dẫn sinh viên làm khóa luận theo quy định của Nhà trường.

Căn cứ vào kết quả tích lũy tín chỉ của sinh viên, Nhà trường xét đủ điều kiện quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

Căn cứ vào kết quả hoàn thành chương trình của sinh viên, Nhà trường xét đủ điều kiện quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên. Căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp, Nhà trường cấp bằng tốt nghiệp Cử nhân thực hành ngành Y sỹ Đa khoa theo quy định tại Văn bản số 2513/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 03/08/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về mẫu bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng ; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, huỷ bỏ bằng tốt nghiệp Trung cấp và Cao đẳng; và các thông tư bổ sung, sửa đổi (nếu có).

HIỆU TRƯỞNG



ThS. Nguyễn Văn Ánh